**BÀI 7**

**LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG**

**Giới thiệu:**

Tham nhũng đang là vấn nạn, có xu hướng gia tăng và gây thiệt hại nặng nề về nhiều mặt, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của đất nước, làm giảm niềm tin của nhân dân vào các cơ quan công quyền và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Công tác phòng, chống tham nhũng được Đảng, Nhà nước xác định là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, vừa cấp bách vừa khó khăn, phức tạp và lâu dài.

**Mục tiêu:**

- Trình bày được một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;

- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

**Nội dung chính:**

**1. Khái niệm về tham nhũng**

***1.1. Khái niệm và những đặc điểm cơ bản***

***1.1.1. Khái niệm***

Tham nhũng xuất hiện rất sớm, từ khi có sự phân chia quyền lực và hình thành nhà nước. Tham nhũng là một hiện tượng xã hội, gắn với sự xuất hiện chế độ tư hữu, sự hình thành giai cấp và sự ra đời, phát triển của bộ máy nhà nước, quyền lực nhà nước và các quyền lực công khác.

Tham nhũng thường xuất hiện nhiều hơn ở các nền kinh tế kém phát triển hoặc có mức thu nhập bình quân**/**đầu người thấp.

Luật Phòng, chống tham nhũng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 20 tháng 11 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

*Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi* (Khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

Luật Phòng, chống tham nhũng quy định chủ thể tham nhũng là người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó, bao gồm: Cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức; những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

***1.1.2. Những đặc điểm cơ bản của tham nhũng***

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, tham nhũng có những đặc trưng cơ bản như sau:

*- Chủ thể tham nhũng là người có chức vụ, quyền hạn*

Người có chức vụ, quyền hạn bao gồm: cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; cán bộ lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp của nhà nước và ngoài khu vực nhà nước; cán bộ lãnh đạo, quản lý là người đại diện phần vốn góp của nhà nước tại doanh nghiệp; người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

*- Chủ thể tham nhũng lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao*

Khi thực hiện hành vi tham nhũng, kẻ tham nhũng phải sử dụng “chức vụ, quyền hạn của mình” như một phương tiện để mang lại lợi ích cho mình, cho gia đình mình hoặc cho người khác. Đây là yếu tố cơ bản để xác định hành vi tham nhũng. Một người có chức vụ, quyền hạn nhưng không lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó thì không thể có hành vi tham nhũng. Tuy nhiên, không phải mọi hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó đều được coi là hành vi tham nhũng. Ở đây có sự giao thoa giữa hành vi này với các hành vi tội phạm khác, do vậy cần lưu ý khi phân biệt hành vi tham nhũng với các hành vi vi phạm pháp luật khác.

*- Mục đích của hành vi tham nhũng là vụ lợi*

Hành vi tham nhũng là hành vi cố ý. Mục đích của hành vi tham nhũng là vụ lợi. Nếu chủ thể thực hiện hành vi không cố ý thì hành vi đó không là hành vi tham nhũng. Vụ lợi ở đây được hiểu là lợi ích vật chất hoặc lợi ích tinh thần mà người có chức vụ, quyền hạn đã đạt được hoặc có thể đạt được thông qua hành vi tham nhũng.

Pháp luật Việt Nam hiện nay quy định việc đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi tham nhũng chủ yếu dựa trên căn cứ xác định những lợi ích vật chất mà kẻ tham nhũng đạt được để từ đó quyết định mức độ xử lý. Lợi ích vật chất hiện nay trong cơ chế thị trường thể hiện ở rất nhiều dạng khác nhau, nếu chỉ căn cứ vào những tài sản phát hiện hoặc thu hồi được để đánh giá lợi ích mà kẻ tham nhũng đạt được thì sẽ là không đầy đủ. Thêm nữa, các lợi ích vật chất và tinh thần đan xen rất khó phân biệt: ví dụ như: việc dùng tài sản của Nhà nước để khuyếch trương thanh thế, gây dựng uy tín hay các mối quan hệ để thu lợi bất chính. Trong trường hợp này, mục đích của hành vi vừa là lợi ích vật chất, vừa là lợi ích tinh thần.

***1.2. Các hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật***

*Theo Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 và Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018* đã phân loại tham nhũng theo hành vi. Theo đó, luật có sự phân định rõ ràng giữa hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước và ngoài nhà nước, bao gồm:

- Các hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước (điều 3 khoảng 9 Luật phòng chống tham nhũng năm 2018) chủ thể và thực hiện bao gồm:

+ Chủ thể: Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước,nước, đơn vị chính trị, các đơn vị chính trị xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và tổ chức, đơn vị khác do nhà nước đầu tư cơ sở vật thành lập cấp phát toàn bộ học phần chi phí hoạt động do nhà nước trực tiếp quản lí và tham gia quản lí nhằm phục vụ nhu cầu phát tiển chung những thiết yếu của nhà nước và xã hội.

+ Hành vi: Tham ô tài sản, nhận hối lộ. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm, công vụ vì vụ lợi. Lợi dụng chức vụ, quyên hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết vấn đề công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị vì vụ lợi. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi. Nhũng nhiễu vì vụ lợi. Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi phạm pháp luật vì vụ lợi, cản trợ can thiên trái pháp luật vào việc giám sát kiểm tra thanh tra kiểm toán điều tra truy tố xét xử thi hành án vì vự lợi.

- Các hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước chủ thể thực hiện bao gồm:

+ Chủ thể: các chủ thể ngoài những chủ thể trong khu vực nhà nước.

+ Hành vi: Tham ô tài sản. Nhận hối lộ. Đưa hối lộ, mối giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình.

**2. Nguyên nhân và hậu quả của tham nhũng**

**2.1 Nguyên nhân**

Chia thành 2 nguyên nhân chính:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Việt nam là nước đang phát triển có trình độ quán lý còn lạc hậu, mức sống thấp, pháp luật chưa hoàn thiện.

+ Quán trình chuyển đội cơ chế, tồn tại và đan xen giữa cái mới và cái cũ.

+ Ảnh hưởng của mặt trái cơ chế thị trường.

+ Do ảnh hưởng tập quán văn hóa.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Phẩm chất đạo đưc của một bộ phận người có chức vụ, quyền hạn bị suy thoái, công tác quản lý giáo dục người có chức vụ quyền hạn còn yếu kém.

+ Chính sách pháp luật chưa đầy đủ thiếu đồng bộ, tính nhất quán.

+ Cải cách hành chính vẫn còn chậm và lúng túng, cơ chế “xin- cho” trong hoạt động công vụ còn phổ biến.

+ Sự chỉ đạo đối với công tác phòng chống tham nhũng trong một số trường hợp còn chưa chặt chẽ, sâu sắc.

**2.2 Hậu quả của tham nhũng**

***\* Về chính trị***

- Trở lực lớn đối với quá trình đổi mới đất nước.

- Làm xói mòn lòng tin của nhân dân.

***\*Về kinh tế***

- Làm thất thoát một lượng lớn tài sản của nhà nước và nhân dân.

- Ảnh hưởng xấu đến chất lượng các dự án, công trình.

- Làm nhân dân mất nhiều thời gian, công sức.

***\*Về xã hội***

- Làm đảo lộn những chuẩn mực đạo đức xã hội.

- Làm tha hóa phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận các bộ, giảng viên,

- Làm nảy sinh nhiêu vấn đề CH bức

**3. Ý nghĩa, vai trò**

- Là điều kiện quyết định đối với sự ổn định và phát triển đất nước, đối với sự tồn vong của Đảng và nhà chế độ XHCN ở VN.

- Nếu không ngăn chặn đẩy lùi:

+ Không thể đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, hiệu quả, sức cạnh tranh, sự phát triển bền vững của nền kinh tế đất nước.

+ Không tận dụng được thời cơ, không vượt qua các thách thức to lướn của quá trình hội nhập KTQT.

+ Không giữ vững được ổn định chính trị - xã hội.

+ Không thể củng cố , tăng cường niềm tin của nhân dân vào Đảng và chế dộ.

**4. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng**

***4.1.Trách nhiệm của công dân tham gia phòng, chống tham nhũng***

***4.2.Trách nhiệm của công dân trong tố cáo hành vi tham nhũng***

***4.3.Tham gia phòng chống tham nhũng thông qua ban thanh tra nhân dân tổ chức mà mình là thành viên***

**5. Đôi nét về luật phòng chống tham nhũng năm 2018**

- Luật phòng chống tham những được ban hành lần đầu năm 2005, sửa đổi năm 2012.

- Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2018, có hiệu lực từ 01/07/2019.

***- Cấu trúc 10 chương và 96 điều khoản***

+ Chương 1: những quy định chung.

+ Chương 2: Phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức ,đơn vị.

+ Chương 3: Phát hiện tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, dơn vị.

+ Chương 4: Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng chống tham nhũng.

+ Chương 5: Trách nhiệm của xã hội trong phòng chống tham nhũng.

+ Chương 6: Phòng chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

+ Chương 7: Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong phòng chống tham nhũng.

+ Chương 8: Hợp tác quốc tế về phòng chống tham nhũng.

+ Chương 9: Xử lý tham nhũng và hành vi khác trong vi phạm pháp luật về phòng chống tham nhũng.

+ Chương 10: Điều khoản thi hành.

------------------------------------------------------------

**BÀI 8**

**PHÁP LUẬT BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG**

**Giới thiệu:**

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 ra đời có ý nghĩa rất lớn trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đảm bảo sự công bằng trong trong giao dịch giữa người tiêu dùng và doanh nghiệp. Luật khẳng định bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Trong đó, Nhà nước đóng vai trò trung tâm, khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, sử dụng sức mạnh của thị trường để loại bỏ những doanh nghiệp làm ăn bất chính.

**Mục tiêu:**

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;

- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

**Nội dung chính:**

**1. Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật bảo vệ người tiêu dung**

**1.1. Khái niệm người tiêu dùng**

Người tiêu dùng là người mua, sử dụng hàng hóa dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình và tổ chức.

Luật bảo vệ người tiêu dùng được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2010 và có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2011 định nghĩa người tiêu dùng là: *“Người tiêu dùng là người mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình, tổ chức”* (Khoản 1 điều 2, Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2010).

Đối tượng điều chỉnh áp dụng đối với người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên lãnh thổ Việt Nam.

**1.2. Đặc điểm người tiêu dùng**

*- Là người mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ*

*+ Người mua*

*+Người sử dụng*

*- Mục đích mua, sử dụng hàng hóa dịch vụ.*

**2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người tiêu dùng**

**2.1. Quyền của người tiêu dùng**

*Căn cứ theo Điều 8, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng quy định về quyền của người tiêu dùng quy định người tiêu dùng có 8 quyền cơ bản sau đây:*

1. Được bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác khi tham gia giao dịch, sử dụng hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ cung cấp.

2. Được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; nội dung giao dịch hàng hóa, dịch vụ; nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa; được cung cấp hóa đơn, chứng từ, tài liệu liên quan đến giao dịch và thông tin cần thiết khác về hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng đã mua, sử dụng.

3. Lựa chọn hàng hóa, dịch vụ, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo nhu cầu, điều kiện thực tế của mình; quyết định tham gia hoặc không tham gia giao dịch và các nội dung thỏa thuận khi tham gia giao dịch với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

4. Góp ý kiến với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ về giá cả, chất lượng hàng hóa, dịch vụ, phong cách phục vụ, phương thức giao dịch và nội dung khác liên quan đến giao dịch giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

5. Tham gia xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

6. Yêu cầu bồi thường thiệt hại khi hàng hóa, dịch vụ không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng, số lượng, tính năng, công dụng, giá cả hoặc nội dung khác mà tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đã công bố, niêm yết, quảng cáo hoặc cam kết.

7. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hoặc đề nghị tổ chức xã hội khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Được tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn kiến thức về tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ.

**2.2. Nghĩa vụ của người tiêu dùng**

1. Kiểm tra hàng hóa trước khi nhận; lựa chọn tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, không làm tổn hại đến môi trường, trái với thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội, không gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của mình và của người khác; thực hiện chính xác, đầy đủ hướng dẫn sử dụng hàng hóa, dịch vụ.

2. Thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan khi phát hiện hàng hóa, dịch vụ lưu hành trên thị trường không bảo đảm an toàn, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng; hành vi của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

**3. Các hành vi bị cấm trong pháp luật bảo vệ người tiêu dùng**

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lừa dối hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng thông qua hoạt động quảng cáo hoặc che giấu, cung cấp thông tin không đầy đủ, sai lệch, không chính xác về một trong các nội dung sau đây:

a) Hàng hóa, dịch vụ mà tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ cung cấp;

b) Uy tín, khả năng kinh doanh, khả năng cung cấp hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;

c) Nội dung, đặc điểm giao dịch giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quấy rối người tiêu dùng thông qua tiếp thị hàng hóa, dịch vụ trái với ý muốn của người tiêu dùng từ 02 lần trở lên hoặc có hành vi khác gây cản trở, ảnh hưởng đến công việc, sinh hoạt bình thường của người tiêu dùng.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ ép buộc người tiêu dùng thông qua việc thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các biện pháp khác gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, uy tín, nhân phẩm, tài sản của người tiêu dùng;

b) Lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người tiêu dùng hoặc lợi dụng thiên tai, dịch bệnh để ép buộc giao dịch.

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại, đề nghị giao dịch trực tiếp với đối tượng là người không có năng lực hành vi dân sự hoặc người mất năng lực hành vi dân sự.

5. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ yêu cầu người tiêu dùng thanh toán hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp mà không có thỏa thuận trước với người tiêu dùng.

6. Người tiêu dùng, tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lợi dụng việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

7. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người tiêu dùng hoặc lợi dụng thiên tai, dịch bệnh để cung cấp hàng hóa, dịch vụ không bảo đảm chất lượng.

8. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không bảo đảm chất lượng gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng.

**4. Hội bảo vệ người tiêu dùng**

 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010 quy định “Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là trách nhiệm chung của Nhà nước và toàn xã hội.” (khoản 1 Điều 4). Trên cơ sở đó, Luật này cũng quy định về chính sách của Nhà nước về bảo vệ người tiêu dùng: “Tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân chủ động tham gia vào việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.” (khoản 1 Điều 5). Theo đó, tổ chức xã hội thành lập theo quy định của pháp luật và hoạt động theo điều lệ được tham gia hoạt động bảo vệ người tiêu dùng.

Căn cứ Điều 28, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010, các tổ chức xã hội tham gia bảo vệ người tiêu dùng thực hiện những nhiệm vụ sau:

 a) Hướng dẫn, giúp đỡ, tư vấn người tiêu dùng khi có yêu cầu;

 b) Đại diện người tiêu dùng khởi kiện hoặc tự mình khởi kiện vì lợi ích công cộng;

 c) Cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thông tin về hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ;

 d) Độc lập khảo sát, thử nghiệm; công bố kết quả khảo sát, thử nghiệm chất lượng hàng hóa, dịch vụ do mình thực hiện; thông tin, cảnh báo cho người tiêu dùng về hàng hóa, dịch vụ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thông tin, cảnh báo của mình; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

 đ) Tham gia xây dựng pháp luật, chủ trương, chính sách, phương hướng, kế hoạch và biện pháp về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

 e) Thực hiện nhiệm vụ được cơ quan nhà nước giao theo quy định tại Điều 29 của Luật này;

 g) Tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức tiêu dùng.

 Khi thực hiện nhiệm vụ được cơ quan nhà nước giao, tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được Nhà nước hỗ trợ kinh phí và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28 Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng quy định các nhiệm vụ Nhà nước giao cho tổ chức xã hội thực hiện:

 Tổ chức xã hội đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 27 Nghị định này được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện một trong những nhiệm vụ sau:

 1. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục về quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng.

 2. Hướng dẫn, đào tạo nâng cao nhận thức cho người tiêu dùng.

 3. Tư vấn, hỗ trợ cho người tiêu dùng.

 4. Thực hiện các nghiên cứu, khảo sát thực tế, tập hợp ý kiến, phản ánh nhu cầu của người tiêu dùng.

**5. Phương thức giải quyết tranh chấp trong pháp luật bảo vệ người tiêu dùng**

Căn cứ Điều 30, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng quy định tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (tổ chức, cá nhân) được giải quyết thông qua:

[1. Thương lượng](http://www.vca.gov.vn/chitietquytrinhbvntd.aspx?Cate_ID=443&ID=59): là cách giải quyết tranh chấp phát sinh giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân thông dụng nhất và đảm bảo lợi ích các bên.

[2. Hòa giải](http://www.vca.gov.vn/chitietquytrinhbvntd.aspx?Cate_ID=443&ID=60): là việc giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân thông qua bên thứ ba.

[3. Trọng tài](http://www.vca.gov.vn/chitietquytrinhbvntd.aspx?Cate_ID=443&ID=61): là phương thức được sử dụng khi điều khoản trọng tài được tổ chức, cá nhân thông báo trước khi ký kết hợp đồng giao dịch và được người tiêu dùng chấp thuận.

[4. Tòa án](http://www.vca.gov.vn/chitietquytrinhbvntd.aspx?Cate_ID=443&ID=62): là phương thức khi người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân không thể giải quyết các tranh chấp phát sinh theo 1 trong 3 phương thức trên.

**Chú ý**: Không được thương lượng, hòa giải trong trường hợp tranh chấp gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của nhiều người tiêu dùng, lợi ích công cộng.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

*Câu 1: Anh (chị) hãy nêu khái niệm bảo vệ người tiêu dùng? Các nguyên tắc bảo vệ người tiêu dùng?*

*Câu 2: Anh (chị) hãy trình bày quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng?*

*Câu 3: Anh (chị) hãy nêu phương thức giải quyết tranh chấp trong pháp luật bảo vệ người tiêu dùng?*